

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ
TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30/6/2014	5 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”) đã được soát xét cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Thành	Chủ tịch
Ông Tạ Văn Nam	Thành viên
Bà Ngô Thị Hồng Thu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/4/2014)
Bà Diệp Thị Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/4/2014)
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Thành viên
Ông Đinh Văn Hóa	Thành viên
Ông Phương Xuân Thụy	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/6/2014)
Ông Trần Việt Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/6/2014)

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Kim Tuyên	Trưởng ban
Bà Trần Lâm Thúy Quyên	Thành viên
Ông Hoàng Anh Tú	Thành viên

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Thành	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Hồng Thu	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28/7/2014)
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Quyết	Giám Đốc tài chính
Ông Nguyễn Ngọc Lễ	Kế toán trưởng

3. Các hoạt động chính

Sản xuất đồ mộc; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Đại lý ký gửi hàng hóa; Bán buôn phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ; Vận tải hàng hóa đường bộ; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng nhà các loại; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn sản phẩm mộc; Bán buôn thủy sản; Bán buôn sản phẩm nông lâm sản; Bán buôn phân bón.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. **Kết quả của thời kỳ tài chính**

Tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 30/6/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014 được trình bày từ trang 05 đến trang 39.

5. **Tài sản lưu động**

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

6. **Các khoản nợ bất ngờ**

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

7. **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014.

8. **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng thời kỳ tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong thời kỳ tài chính đó. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

9. **Phê duyệt của Hội đồng quản trị**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Võ Trường Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 29 tháng 8 năm 2014

Số: 121.HN/BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") ngày 30/6/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014, được lập ngày 29 tháng 8 năm 2014 từ trang 05 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

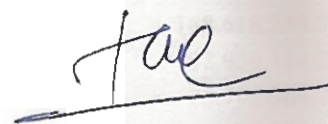
Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN




NGUYỄN LƯƠNG NHÂN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0182-2013-042-1
TP HCM, ngày 29 tháng 8 năm 2014



LÊ ĐÌNH HUYỀN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1756-2013-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
A. Tài sản ngắn hạn	100		3.062.532.199.193	2.786.452.860.182
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	73.512.985.336	65.513.443.900
1. Tiền	111		3.392.985.336	27.393.443.900
2. Các khoản tương đương tiền	112		70.120.000.000	38.120.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		21.090.116.012	51.548.700.012
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	21.090.116.012	51.548.700.012
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	V.03	550.131.419.474	390.023.029.967
1. Phải thu khách hàng	131		431.815.699.504	273.661.750.405
2. Trả trước cho người bán	132		74.801.117.309	60.285.374.811
3. Các khoản phải thu khác	135		63.393.290.404	67.050.144.077
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(19.878.687.743)	(10.974.239.326)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.04	2.384.681.059.570	2.245.347.148.559
1. Hàng tồn kho	141		2.395.353.356.472	2.255.053.754.553
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.672.296.902)	(9.706.605.994)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.05	33.116.618.801	34.020.537.743
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.582.812.357	1.582.734.690
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.141.847.900	1.231.710.867
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		3.555.605.618	14.258.800.471
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		15.836.352.926	16.947.291.715
B. Tài sản dài hạn	200		713.030.417.006	731.584.077.916
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		467.251.490.118	514.607.366.691
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	378.679.060.413	390.259.605.640
- Nguyên giá	222		554.664.315.668	550.447.363.422
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(175.985.255.255)	(160.187.757.782)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	10.651.709.111	43.035.543.420
- Nguyên giá	228		12.873.729.374	50.080.622.274
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.222.020.263)	(7.045.078.854)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	77.920.720.594	81.312.217.632
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.09	168.618.239.737	169.624.510.245
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		92.930.114.235	93.936.384.743
2. Đầu tư dài hạn khác	258		75.792.364.766	88.019.084.766
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(104.239.264)	(12.330.959.264)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260	V.10	77.160.687.153	47.352.200.980
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		74.527.850.118	44.608.518.942
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.422.837.035	1.533.682.038
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.210.000.000	1.210.000.000
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.775.562.616.199	3.518.036.938.097

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
A. Nợ phải trả	300		2,805,853,420,891	2,570,447,529,029
I. Nợ ngắn hạn	310		2,708,741,487,321	2,418,235,135,024
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	1,447,038,840,867	1,859,156,824,212
2. Phải trả người bán	312	V.12	269,556,094,423	119,146,259,513
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	33,780,313,202	48,770,457,639
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	55,416,093,197	56,404,664,722
5. Phải trả người lao động	315	V.14	24,509,820,888	24,262,186,026
6. Chi phí phải trả	316	V.15	154,664,690,029	175,559,423,906
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	724,410,190,879	134,728,452,790
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(634,556,163)	206,866,216
II. Nợ dài hạn	330	V.17	97,111,933,570	152,212,394,005
1. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000,000	1,000,000,000
2. Vay và nợ dài hạn	334		68,890,750,000	122,553,837,435
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		(17,500,000)	-
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		27,238,683,570	28,658,556,570
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.18	868,027,068,631	851,318,854,224
I. Vốn chủ sở hữu	410		868,027,068,631	851,318,854,224
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		735,000,000,000	735,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		99,062,086,763	99,062,086,763
3. Cổ phiếu quỹ	414		(420,631,294)	(420,631,294)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		10,494,752,650	10,494,752,650
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,767,885,040	3,767,885,040
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8,963,110	8,963,110
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20,114,012,363	3,405,797,956
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		101,682,126,677	96,270,554,844
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,775,562,616,199	3,518,036,938,097

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	30/6/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	12.568.966.689	12.506.259.940
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ kho đời đã xử lý	2.687.182.707	2.687.182.707
5. Ngoại tệ các loại	-	-
- USD	8,327.08	70,603.68
- EUR	631.93	636.88
- JPY	-	-
- CNY	-	-
- GBP	-	45.00
- THB	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Tập thể mình báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Bình Dương, ngày 29 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Ngọc Nam

Nguyễn Ngọc Lễ

Võ Trường Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cao thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		456.957.204.469	1.053.854.581.211
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		4.212.142.480	3.014.162.823
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	452.745.061.989	1.050.840.418.388
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	382.873.060.807	886.826.392.215
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69.872.001.182	164.014.026.173
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	5.440.324.707	3.121.930.836
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	(14.447.761.624)	121.031.220.621
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		87.663.292.374	111.296.301.578
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	8.492.746.314	7.185.291.551
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	47.592.035.319	36.081.051.341
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.675.305.880	2.838.393.496
11. Thu nhập khác	31	VI.07	2.782.126.355	9.775.480.151
12. Chi phí khác	32	VI.08	6.823.181.565	10.107.348.594
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40		(4.041.055.210)	(331.868.443)
14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh			(1.006.270.508)	(556.880.591)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.627.980.162	1.949.644.462
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		7.462.724.677	1.456.704.196
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		110.845.004	(843.960.639)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.054.410.482	1.336.900.906
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho:				
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số			4.366.571.833	(497.030.177)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			16.687.838.649	1.833.931.083
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	70	VI.09	227	43

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Bình Dương, ngày 29 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đỗ Ngọc Nam

Nguyễn Ngọc Lê



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Chi tiết kế tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

Đơn vị tính: VND

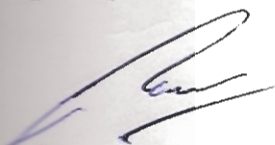
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	28.627.980.163	1.949.644.462
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	16.295.783.807	18.361.815.210
Các khoản dự phòng	03	(2.356.580.675)	2.600.681.857
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	8.432.876.637	4.006.989.417
Chi phí lãi vay	06	87.663.292.374	111.296.301.578
Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động	08	138.663.352.306	138.215.432.524
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(179.749.570.537)	128.341.631.244
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(140.299.601.919)	(77.036.322.052)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	113.942.601.216	(185.832.291.313)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	966.139.132	(423.462.430)
Tiền lãi vay đã trả	13	(15.554.154.050)	(96.209.667.026)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(175.849.994)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	20.375.757	226.081.052
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(18.464.288)	(5.130.823.564)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(82.029.322.383)	(98.025.271.559)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(825.455.208)	(12.348.416.486)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	4.929.829.499
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.421.416.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	42.880.000.000	1.876.127.777
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	12.717.420.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.741.887.380	702.413.656
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	47.092.436.172	(4.840.045.554)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	98.432.855.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	311.225.078.534	757.486.201.761
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(268.288.650.887)	(757.039.657.006)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	42.936.427.647	98.879.399.755
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	7.999.541.436	(3.985.917.358)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	65.513.443.900	6.318.406.469
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	73.512.985.336	2.332.489.111

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Bình Dương, ngày 29 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Đỗ Ngọc Nam

Nguyễn Ngọc Lê



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/8/2003 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 13 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 20/5/2014 do Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là TTF kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 02 năm 2008.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

2 Tên giao dịch và trụ sở

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Truong Thanh Furniture Corporation. Tên viết tắt: TTFC.

Trụ sở chính đặt tại: Đường DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

3 Lĩnh vực kinh doanh

Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ.

4 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn sản phẩm mộc;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn sản phẩm nông lâm sản;
- Bán buôn phân bón.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5 Danh sách các công ty con và công ty liên kết, liên doanh

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Tỷ lệ theo vốn đã góp thực tế
Công ty con trực tiếp				
Công ty CP Trường Thành (Đaklak 1)	Km 86, QL 14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐakLak	30.000.000.000	70,00%	70,00%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Đaklak 2)	Thôn 05, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐakLak	28.000.000.000	70,00%	70,00%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	KP 7, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	126.239.000.000	64,16%	64,16%
Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)	KP 4, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	56.470.000.000	51,00%	100,00%
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đaklak	60.000.000.000	99,33%	99,97%
Công ty CP Trồng Rừng Trường Thành	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đaklak	53.191.490.000	41,00%	46,07%
Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành	C8, KCN Hòa Hiệp, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	40.000.000.000	60,00%	60,00%
Công ty CP Trường Thành Xanh	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	100.000.000.000	60,00%	99,99%
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	Đào Trinh Nhất, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	25.000.000.000	45,60%	97,50%
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đăknông	204 Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk nông	60.000.000.000	96,00%	99,44%
Công ty CP Thương mại XNK Trường Thành Đăknông	Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông	50.000.000.000	97,90%	94,75%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'drak	Cụm công nghiệp M'Đăk, Xã Krông Jing, Huyện M'Đrăk, Tỉnh Đăk Lăk	10.000.000.000		95,30%

Công ty con gián tiếp

Công ty CP Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk, tỉnh Đaklak	10.000.000.000	50,00%	85,37%
Công ty CP Vật liệu xây dựng Trường Thành - Phước An	107 Lê Duẩn, khối 04, thị trấn Phước An, huyện Krông Păk, tỉnh Đaklak	10.000.000.000	50,00%	51,55%

Công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Tỷ lệ theo vốn đã góp thực tế
Công ty CP Bao bì Trường Thành	19 đường số 11, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	6.500.000.000	23,08%	43,76%
Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	7,018,000.00 USD	51,00%	51,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính (thay thế cho Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính).

Riêng đối với một số máy móc sản xuất sản phẩm mộc như máy cưa, máy phay, máy bào... và lò sấy tại Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
Máy móc thiết bị	04 - 20 năm
Phương tiện vận tải	06 - 14 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
Phần mềm tin học	05 - 20 năm

Quyền sử dụng đất

Đối với quyền sử dụng đất không thời hạn: Công ty không tính khấu hao

Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian sử dụng cụ thể được ghi trên từng giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

8. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn;
- Quyền sử dụng đất;
- Chi phí khác chờ phân bổ.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và theo Quy chế lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

17. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

18. Thuế

Trong năm 2014, Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Công ty CP Trường Thành (Daklak 1) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh và được miễn thuế TNDN trong 03 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đăknông được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty CP TM XNK Trường Thành Đak Nông được thành lập tại địa bàn có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành. Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp về việc quyền phát triển có được xem là chi phí cho mục đích tính thuế, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản thu nhập chưa thực hiện khi hợp nhất liên quan đến khoản vốn góp của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2014	01/01/2014
Tiền mặt	805.546.296	348.765.895
Tiền gửi ngân hàng bằng VND	2.392.671.247	24.756.392.195
Tiền gửi ngân hàng bằng Ngoại tệ	194.767.793	1.518.285.810
Tiền đang chuyển	-	770.000.000
Các khoản tương đương tiền	(*) 70.120.000.000	38.120.000.000
Cộng	73.512.985.336	65.513.443.900

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 - 3 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 4,85% đến 6,85%/năm. Các hợp đồng tiền gửi này đang được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng.

2. Đầu tư ngắn hạn	30/6/2014	01/01/2014
Các khoản cho vay ngắn hạn đến các nhân viên Công ty	280.000.000	290.000.000
Các khoản cho vay ngắn hạn đến các tổ chức	(*) 20.725.116.012	51.258.700.012
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng (lãi suất 8%/năm)	85.000.000	-
Cộng	21.090.116.012	51.548.700.012

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/6/2014	01/01/2014
(*) Bao gồm:		
Công ty TNHH SX-XD-TM Đại Dương	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH XD Đồng Long	5.048.576.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành Oji	15.376.540.012	7.158.700.012
Công ty Cổ phần Vũ Tuấn	-	39.800.000.000
Cộng	20.725.116.012	51.258.700.012
3. Các khoản phải thu ngắn hạn		
	30/6/2014	01/01/2014
Phải thu khách hàng	(3.1) 431.815.699.504	273.661.750.405
Trả trước cho người bán	74.801.117.309	60.285.374.811
Phải thu khác	(3.2) 63.393.290.404	67.050.144.077
Cộng	570.010.107.217	400.997.269.293
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.3) (19.878.687.743)	(10.974.239.326)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	550.131.419.474	390.023.029.967

(3.1) Trong đó, bao gồm khoản phải thu khách hàng gốc ngoại tệ là 6,801,560.28 USD tương đương 142.158.359.122 đồng.

	30/6/2014	01/01/2014
(3.2) Bao gồm:		
Phải thu liên quan đến lợi nhuận được chia	-	2.282.580.000
Khoản phải thu từ việc thu hồi vốn đầu tư	-	12.717.420.000
Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi	4.271.419.120	332.021.241
Các khoản cho mượn vật tư	-	660.160.240
Phải thu từ Công ty Cổ phần Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành - Ea H'leo	24.152.576.389	24.132.413.389
Phải thu gốc và lãi cho vay đối với Công ty Tân Phát (*)	23.417.675.770	23.417.675.770
Phải thu khoản cho mượn, không lãi suất	-	2.041.345.049
Phải thu các bên liên quan của các công ty con	126.087.000	443.195.950
Phải thu nhân viên liên quan đến khoản bồi thường thiệt hại	697.976.685	-
Phải thu Ông Nguyễn Tấn Thanh liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Sông Hậu	1.778.432.000	-
Phải thu Công ty CP Vũ Tuấn về khoản tiền cho mượn	3.180.000.000	-
Và các khoản phải thu khác	5.769.123.440	1.023.332.438
Cộng	63.393.290.404	67.050.144.077

(*) Vào ngày 10/01/2012, Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk có quyết định số 30/QĐ-CTHADS về việc hoãn thi hành án đối với Công ty TNHH XD và TM Tân Phát liên quan đến khoản thi hành án: trả cho Công ty CP Trồng rừng Trường Thành với số tiền 23.417.675.770 đồng kể từ ngày 10/01/2012 đến khi Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao trả lời kiến nghị của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(3.3) Dự phòng phải thu khó đòi:

Số dư dự phòng phải thu khó đòi đầu năm	(10.974.239.326)
Số trích lập trong kỳ	(8.904.448.417)
Số hoàn nhập trong kỳ	-
Số dư dự phòng phải thu khó đòi cuối kỳ	(19.878.687.743)

4. Hàng tồn kho	30/6/2014	01/01/2014
Hàng mua đang đi đường	66.679.221.879	16.196.652.205
Nguyên vật liệu, phụ liệu	1.329.625.153.376	1.108.867.598.192
Công cụ, dụng cụ	1.060.737.833	188.809.465.680
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	891.680.926.258	739.184.327.591
Thành phẩm	73.994.628.579	159.716.942.063
Hàng hoá	21.422.397.132	31.168.149.332
Hàng gửi bán	10.890.291.415	11.110.619.491
Cộng	2.395.353.356.472	2.255.053.754.553
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(*) (10.672.296.902)	(9.706.605.994)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	2.384.681.059.570	2.245.347.148.559

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho cuối kỳ (30/6/2014) đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

(*) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	(9.706.605.994)
Số trích lập trong kỳ	(965.690.908)
Số hoàn nhập trong kỳ	-
Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối kỳ	(10.672.296.902)

5. Tài sản ngắn hạn khác	30/6/2014	01/01/2014
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.582.812.357	1.582.734.690
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	11.141.847.900	1.231.710.867
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	3.555.605.618	14.258.800.471
Tài sản ngắn hạn khác	(*) 15.836.352.926	16.947.291.715
Cộng	33.116.618.801	34.020.537.743

(*) Bao gồm:

	30/6/2014	01/01/2014
Tài sản thiếu chờ xử lý	585.022	585.022
Các khoản tạm ứng	13.200.675.340	14.330.078.416
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.635.092.564	2.616.628.277
Cộng	15.836.352.926	16.947.291.715

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý & TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	244.948.006.157	277.758.380.887	23.239.610.737	4.501.365.641	550.447.363.422
Tăng	1.392.541.050	2.724.065.143		230.442.500	4.347.048.693
Giảm		130.096.447			130.096.447
Số dư cuối kỳ	246.340.547.207	280.352.349.583	23.239.610.737	4.731.808.141	554.664.315.668
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	68.387.319.644	76.021.087.649	12.505.564.236	3.273.786.253	160.187.757.782
Tăng	5.409.924.314	8.980.079.843	1.234.701.589	172.791.727	15.797.497.473
Giảm					-
Số dư cuối kỳ	73.797.243.958	85.001.167.492	13.740.265.825	3.446.577.980	175.985.255.255
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	176.560.686.513	201.737.293.238	10.734.046.501	1.227.579.388	390.259.605.640
Số dư cuối kỳ	172.543.303.249	195.351.182.091	9.499.344.912	1.285.230.161	378.679.060.413

TSCĐ tăng trong kỳ do mua sắm mới và xây dựng cơ bản hoàn thành chuyển sang.

Tài sản cố định đang được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm, website	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	43.921.524.900	6.159.097.374	50.080.622.274
Giảm	37.206.892.900	-	37.206.892.900
Số dư cuối kỳ	(*) 6.714.632.000	6.159.097.374	12.873.729.374
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.994.384.191	2.050.694.663	7.045.078.854
Tăng	326.960.734	171.325.600	498.286.334
Giảm	5.321.344.925	-	5.321.344.925
Số dư cuối kỳ	-	2.222.020.263	2.222.020.263
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	38.927.140.709	4.108.402.711	43.035.543.420
Số dư cuối kỳ	6.714.632.000	3.937.077.111	10.651.709.111

Tài sản cố định vô hình giảm trong kỳ do phân loại sang chi phí trả trước dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng	Nguyên giá
Quyền sử dụng đất số T00405: tọa lạc tại phường Thống Nhất, Tp. Buon Ma Thuộc, Đắk Lắk	175,20	lâu dài	5.256.000.000
Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Thôn 1, xã EaRal, huyện Ea HLeo, Đắk Lắk	14.884,00	lâu dài	1.458.632.000
Cộng			6.714.632.000

Tính đến ngày 30/6/2014, toàn bộ Quyền sử dụng đất của Công ty đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/6/2014	01/01/2014
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 10.320 m ² đất tại Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	32.500.000.000	32.500.000.000
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Phước Tân, Huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	828.300.000	828.300.000
Lô đất (250 m ²) có thời gian sử dụng lâu dài tại quốc lộ 14, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk và 08 lô đất khác tại Đắk Lắk	843.700.000	843.700.000
Chi phí xây dựng 02 nhà kho tại Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	37.377.856.346	37.377.856.346
Mua sắm tài sản cố định	405.599.501	407.411.000
Xây dựng cơ bản dở dang khác (xây dựng nhà kho, nhà xưởng, ...)	5.965.264.747	9.354.950.286
Cộng	77.920.720.594	81.312.217.632

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	30/6/2014	01/01/2014
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(9.1) 92.930.114.235	93.936.384.743
Đầu tư dài hạn khác	(9.2) 75.792.364.766	88.019.084.766
Cộng	168.722.479.001	181.955.469.509
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(9.3) (104.239.264)	(12.330.959.264)
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính dài hạn	168.618.239.737	169.624.510.245

(9.1) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:

Tên các công ty liên kết, liên doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp	Vốn phải góp	Vốn góp thực tế 30/6/2014
Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	7,018,000.00 USD	51,00%	(*)	94.930.473.000
Công ty CP Bao bì Trường Thành	6.500.000.000	23,08%	1.500.000.000	2.000.000.000
Cộng				96.930.473.000

Khoản tổn thất phát sinh tại Công ty liên kết, liên doanh (4.000.358.765)

Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của các Công ty liên kết, liên doanh **92.930.114.235**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*): Đầu tư vào Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI chiếm 51% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 7,018,000.00 USD). Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Giấy OJI (Nhật Bản). Theo đó, Công ty đã góp 4,526,520.00 USD (trong đó bao gồm 170,400.00 USD bằng tiền, và 3,408,600.00 USD bằng Quyền Phát triển trên diện tích đất rừng dự kiến là 17.043 ha thuộc địa bàn Tỉnh Phú Yên trên cơ sở xác định giá trị bằng thỏa thuận giữa 02 bên và giá trị 1.579,20 ha rừng trồng trị giá 19.732.104.000 đồng tương đương 947,520.00 USD). Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 361022000032 ngày 14/10/2011 bởi Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Phú Yên và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 02 ngày 25/01/2014.

(9.2) Danh sách các khoản đầu tư dài hạn khác:

Khoản đầu tư vào	Số lượng cổ phần sở hữu	Đơn giá	Giá trị đầu tư 30/6/2014
Công ty CP Công nghiệp và Thương mại Lidovit	28.960	9.661	279.784.766
Quỹ Đầu tư Chứng khoán y tế Bản Việt (*)	173	100.000.000	17.282.580.000
Công ty CP Phú Hữu Gia	5.268.000	10.000	52.680.000.000
Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	555.000	10.000	5.550.000.000
Cộng			75.792.364.766

(9.3) Các khoản dự phòng đầu tư mua cổ phiếu và chứng từ có giá

Khoản đầu tư vào	Trị giá đầu tư	Số lượng	Đơn giá bình quân	Dự phòng
Công ty CP Lidovit	279.784.766	28.960	9.661	-
Quỹ Đầu tư Chứng khoán y tế Bản Việt	17.282.580.000	173	100.000.000	-
Công ty CP Phú Hữu Gia	52.680.000.000	5.268.000	10.000	-
Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	5.550.000.000	555.000	10.000	(104.239.264)
Cộng				(104.239.264)

10. Tài sản dài hạn khác		30/6/2014	01/01/2014
Chi phí trả trước dài hạn	(10.1)	74.527.850.118	44.608.518.942
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.422.837.035	1.533.682.038
Tài sản dài hạn khác	(10.2)	1.210.000.000	1.210.000.000
Cộng		77.160.687.153	47.352.200.980
(10.1) Bao gồm:		30/6/2014	01/01/2014
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn chờ phân bổ		4.956.413.163	6.274.154.883
Chi phí thuê đất trả trước chờ phân bổ	(*)	68.636.419.600	37.282.482.716
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ		607.940.453	667.395.188
Phí đánh giá tác động môi trường		288.346.866	288.346.866
Chi phí chờ phân bổ khác		38.730.036	96.139.290
Cộng		74.527.850.118	44.608.518.943

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Bao gồm:

- Chi phí thuê đất trả trước cho Công ty Cổ phần Lâm Sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương liên quan đến hợp đồng thuê đất số 001/HĐTD-CCN ngày 27/01/2011 được ký giữa 02 bên. Theo đó, Công ty sẽ thuê lại lô đất có diện tích 26.405,5 m² tọa lạc tại Lô A thuộc Cụm Công nghiệp Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương bao gồm hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống đường giao thông, cây xanh, hệ thống thoát nước, hệ thống điện... nhằm mục đích xây dựng nhà xưởng để sản xuất với giá thuê lại đất là 40.5 USD/m² (đã bao gồm thuế GTGT 10 % nhưng chưa bao gồm phí quản lý là 0,06 USD/m²/tháng) trong vòng 50 năm kể từ ngày 27/01/2011. Khoản chi phí này là khoản tiền Công ty đã chuyển cho Công ty Cổ phần Lâm sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương tương đương với 100% giá trị hợp đồng. Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2014 là 19.136.768.647 đồng.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/11/2059 tại thửa đất số 905 thuộc tờ khai bản đồ số 16/4 tọa lạc tại xã Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương có diện tích là 4.417 m² theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số TO1631/CN-2009 với giá nhận chuyển nhượng là 2.663.451.000 đồng. Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2014 là 2.423.784.580 đồng.

- Giá trị đất của cánh rừng 377 ha tại xã Quảng Khê, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông được xác định là 17,5 tỷ đồng theo biên bản định giá số 01/2011/BBĐG-TTP ngày 23/12/2011, và khấu hao trong vòng 42 năm từ năm 2008 đến năm 2049. Giá trị đất của cánh rừng 377 ha còn lại tại ngày 30/6/2014 là 14.791.666.671 đồng.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 35 thuộc thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với diện tích là 120.478,5 m², thời hạn thuê đến tháng 6 năm 2054. Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2014 là 31.432.477.169 đồng.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk, tỉnh Đăk Lăk đến tháng 8/2059. Giá trị còn lại tại 30/6/2014 là 462.987.696 đồng.

- Khoản chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng để nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn 50 năm tại thôn 5, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh Đăk Lăk. Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2014 là 388.734.837 đồng.

Các quyền sử dụng đất này đang được dùng để thế chấp, đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

(10.2) Bao gồm:	30/6/2014	01/01/2014
Khoản ký quỹ đầu tư dự án trồng rừng kinh tế theo công văn số 2135/CV-STC ngày 27/6/2008 của UBND Tỉnh Phú Yên	400.000.000	400.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	810.000.000	810.000.000
Cộng	1.210.000.000	1.210.000.000

11. Vay và nợ ngắn hạn		30/6/2014	01/01/2014
Vay ngắn hạn từ các Ngân hàng	(11.1)	1.397.456.534.182	1.716.239.015.019
Vay từ các Tổ chức	(11.2)	38.890.456.685	38.165.205.020
Vay từ các Cá nhân	(11.3)	400.000.000	4.100.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	(17.1*)	10.291.850.000	100.652.604.173
Cộng		1.447.038.840.867	1.859.156.824.212

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(11.1) Vay từ các Ngân hàng có số dư nợ vay tại ngày 30/6/2014

	USD	Tương đương VND
Vay bằng VND		612.347.532.592
Vay bằng USD	36.911.565,66	785.109.001.590
Cộng		1.397.456.534.182

Tất cả các khoản vay từ các ngân hàng với mục đích vay là bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh, bao gồm thanh toán tiền mua gỗ nguyên liệu và các chi phí đầu vào khác, chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất khẩu theo phương thức L/C, D/P và D/A. Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của Ông Võ Trường Thành, hàng hoá tồn kho luân chuyển, các tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Công ty, các khoản phải thu đã hình thành và sẽ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng xuất khẩu.

Tại thời điểm 30/6/2014, lãi suất các khoản vay từ các ngân hàng dao động từ 9% đến 14%/năm đối với khoản vay bằng VND và dao động từ 3% đến 7,4%/năm đối với khoản vay bằng ngoại tệ (USD).

(11.2) Vay từ các tổ chức

	30/6/2014	01/01/2014
Công ty CP Phú Hữu Gia	33.645.205.020	33.645.205.020
Công ty CP Vận tải Vũ Thành	1.445.251.665	4.000.000.000
Công ty Vũ Tuấn	3.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Ô tô Tấn Phát Đắk Nông	-	220.000.000
Công TY TNHH MTV Lâm nghiệp Phước An	300.000.000	300.000.000
Cộng	38.890.456.685	38.165.205.020

Tại thời điểm 30/6/2014, lãi suất tiền vay từ các tổ chức khác từ 12% - 14,5%/năm. Các khoản vay này là vay tín chấp.

(11.3) Bao gồm:

	30/6/2014	01/01/2014
Vay từ Ông Võ Diệp Văn Tuấn	-	1.600.000.000
Vay từ Ông Võ Trường Thành	400.000.000	-
Vay từ Bà Diệp Thị Thu	-	1.850.000.000
Vay từ Bà Võ Diệp Cẩm Vân	-	650.000.000
Cộng	400.000.000	4.100.000.000

12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	30/6/2014	01/01/2014
Phải trả người bán (*)	269.556.094.423	119.146.259.513
Người mua trả tiền trước	33.780.313.202	48.770.457.639
Cộng	303.336.407.625	167.916.717.152

(*) Trong đó, bao gồm khoản phải trả người bán bằng ngoại tệ là 389,360.49 USD tương đương 8.281.697.611 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/6/2014	01/01/2014
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	37.831.428.761	41.175.170.691
Thuế TNDN phải nộp	14.605.516.784	10.548.530.518
Thuế TNCN phải nộp	2.617.760.869	4.553.342.436
Các loại thuế khác	361.386.782	127.621.077
Cộng	55.416.093.196	56.404.664.722
14. Phải trả người lao động	30/6/2014	01/01/2014
Khoản lương phải trả người lao động	24.509.820.888	24.262.186.026
15. Chi phí phải trả	30/6/2014	01/01/2014
Chi phí lãi vay còn phải trả bằng VND	120.839.438.238	161.594.716.535
Chi phí lãi vay còn phải trả bằng ngoại tệ	18.486.184.314	13.156.525.724
Chi phí khai thác rừng Quảng Khuê phải trả	13.836.146.000	-
Chi phí phải trả khác	1.502.921.477	808.181.647
Cộng	154.664.690.029	175.559.423.906
16. Các khoản phải trả, phải nộp khác	30/6/2014	01/01/2014
Tài sản thừa chờ xử lý	13.691.206.725	872.304.976
Kinh phí Công đoàn, BHXH, BHYT và BHTN còn phải nộp	60.445.503.339	48.186.422.378
Lãi chậm nộp BHXH	4.032.339.270	3.732.880.545
Các khoản tiền mượn thanh toán, không lãi suất	66.173.671.242	24.556.110.276
Khoản nhận ứng trước từ Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất mới và Quyền sử dụng cây mới theo Hợp đồng liên doanh ngày 16/5/2010 và các Phụ lục đính kèm.	43.773.548.697	43.485.625.280
Phải trả Yekun Corporation liên quan đến khoản tiền mượn (100,000.00 USD)	-	2.107.700.000
Phải trả các bên liên quan của các công ty con	5.253.312.683	3.871.961.550
Cổ tức còn phải trả	963.790.800	963.790.800
Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	1.818.973.622	2.454.973.622
Phải trả Công ty TNHH Mua Bán Nợ Việt Nam (*)	521.428.186.206	-
Khoản phải trả liên quan đến phạt chậm nộp thuế	3.012.909.019	1.677.390.826
Và các khoản phải trả khác	3.816.749.276	2.819.292.537
Cộng	724.410.190.879	134.728.452.790

(*) Phải trả Công ty TNHH Mua Bán Nợ Việt Nam (DATC) theo: Biên bản thỏa thuận ngày 15/4/2014 giữa DATC và Công ty; Hợp đồng mua bán nợ số 19/2014/HĐ-MBN ngày 27/6/2014; và Công văn số 494/MBN-PMBN ngày 31/7/2014 về việc chuyển giao quyền chủ nợ đối với các khoản nợ phải thu tại Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Nợ dài hạn	30/6/2014	01/01/2014
Phải trả dài hạn khác (nhận đặt cọc tiền cho thuê mặt bằng)	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay và nợ dài hạn (17.1)	68.890.750.000	122.553.837.435
Doanh thu chưa thực hiện (17.2)	27.238.683.570	28.658.556.570
Cộng	97.111.933.570	152.212.394.005

(17.1) Số dư khoản vay dài hạn tại ngày 30/6/2014

NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	78.338.600.000
NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Buôn Mê Thuật	844.000.000
Cộng vay dài hạn	79.182.600.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(10.291.850.000)
Cộng vay và nợ dài hạn	68.890.750.000

Vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk:

- Theo hợp đồng dự án đầu tư phát triển số 2012/2708/NMT/TTF/HĐTD ngày 27/8/2012 với số tiền là 30.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 84 tháng, thời hạn ân hạn trả gốc 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Mục đích vay là đầu tư trồng, chăm sóc và khai thác rừng nguyên liệu và cao su liên kết tại huyện Krông Păk, tỉnh ĐăkLăk. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại ngày 30/6/2014 là 14,6%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay này là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2014 là **21.490.750.000 đồng**.

- Theo hợp đồng số 12/01/CPLNTT/NG/HĐTG ngày 27/8/2012 với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng; mục đích vay: bù đắp một phần chi phí đã chi và chi phí đầu tư mới phục vụ thực hiện dự án tổng thể đầu tư trồng, cải tạo và khai thác 3.162,8 ha rừng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Đăklăk; thời hạn vay: 84 tháng (thời gian ân hạn: 12 tháng); Nợ gốc được trả theo thời gian được quy định trong hợp đồng; lãi suất vay được điều chỉnh theo thông báo từ Ngân hàng cho từng thời kỳ và được trả lãi hàng quý (lãi suất vay tại ngày 30/6/2014 là 10,6%/năm). Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 01/2012/CPLNTT/NG/HĐTC ngày 27/8/2012 là 99.634.000.000 đồng và giá trị gia tăng theo quá trình đầu tư còn lại. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2014 là **52.400.000.000 đồng**, Trong đó, phần nợ dài hạn đến hạn trả là 5.000.000.000 đồng.

- Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 08/51/VN/NHNT ngày 15/12/2008 với số tiền là 10 tỷ đồng; Hạn trả nợ đợt cuối là ngày 15/12/2013; Mục đích sử dụng nhằm đầu tư xây dựng nhà máy gạch tuynel; Lãi suất vay 1,2%/tháng; Tài sản đảm bảo nợ vay là dây chuyền sản xuất gạch tuynel nhãn hiệu Handle theo hợp đồng thế chấp số 08/51/NV/HĐTC ngày 15/12/2008; Tài sản hình thành sau đầu tư (toàn bộ nhà xưởng, nhà máy sản xuất gạch nung), quyền sử dụng đất thừa đất rộng 6,1 ha tại tiểu khu 960 thuộc lâm phận của Công ty Lâm nghiệp Phước An theo hợp đồng thế chấp số 08/51/NV/HĐTC.SDT ngày 15/12/2008 và hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 08/51/NV/HĐBL ngày 15/12/2008 của Công ty CP Trường Thành. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2014 là **4.447.850.000 đồng** và cũng chính là nợ dài hạn đến hạn trả. Số dư này đã quá hạn thanh toán.

Vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tp. Buôn Ma Thuật theo hợp đồng tín dụng số LAV201000226 ngày 03/02/2010 với hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng. Mục đích sử dụng: xây dựng văn phòng, nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh và vườn ươm cây giống lâm nghiệp. Lãi suất vay tại ngày 30/6/2014: 12%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2014 là 844.000.000 đồng đã được gia hạn đến 31/12/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(17.2) Bao gồm:	30/6/2014	01/01/2014
Khoản thu nhập chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	26.632.978.929	28.459.240.342
Doanh thu chưa thực hiện khác	605.704.641	199.316.228
Cộng	27.238.683.570	28.658.556.570

18. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	01/01/2014	Tăng	Giảm	30/6/2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	735.000.000.000	-	-	735.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	99.062.086.763	-	-	99.062.086.763
Cổ phiếu quỹ	(420.631.294)	-	-	(420.631.294)
Quỹ đầu tư phát triển	10.494.752.650	-	-	10.494.752.650
Quỹ dự phòng tài chính	3.767.885.040	-	-	3.767.885.040
Quỹ khác thuộc CSH	8.963.110	-	-	8.963.110
Lợi nhuận chưa phân phối	3.405.797.956	16.687.838.649	(20.375.757)	20.114.012.362
Cộng	851.318.854.224	16.687.838.649	(20.375.757)	868.027.068.631

Cổ phiếu	30/6/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	73.500.000	73.500.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	73.500.000	73.500.000
- Cổ phiếu thường	73.500.000	73.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	(16.564)	(16.564)
- Cổ phiếu thường	(16.564)	(16.564)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	73.483.436	73.483.436
- Cổ phiếu thường	73.483.436	73.483.436
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10.000 đồng/cổ phần. Mệnh giá thực tế đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu thuần		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	379.695.815.717	972.745.306.301
Doanh thu xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	562.560.105	253.339.869
Doanh thu các hợp đồng thi công công trình	55.191.335.872	69.941.235.669
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.507.492.775	10.914.699.372
Cộng	456.957.204.469	1.053.854.581.211
<i>Trừ các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>(4.212.142.480)</i>	<i>(3.014.162.823)</i>
Doanh thu thuần	452.745.061.989	1.050.840.418.388
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn bán thành phẩm và hàng hóa	345.487.407.714	836.282.749.296
Giá vốn xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	562.560.105	261.497.220
Giá vốn thi công công trình	28.607.549.425	40.738.533.742
Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.271.035.512	8.882.083.255
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	944.508.051	661.528.702
Cộng	382.873.060.807	886.826.392.215
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	3.021.681.871	702.413.656
Lãi chênh lệch tỷ giá	591.698.734	593.255.768
Thu nhập từ hoạt động góp vốn liên doanh phân bổ trong kỳ	1.826.261.412	1.826.261.412
Doanh thu hoạt động tài chính khác	682.690	-
Cộng	5.440.324.707	3.121.930.836
4. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	87.663.292.374	111.296.301.578
Lãi vay được xóa	(*) (106.984.606.435)	
Lãi trả chậm thanh toán	259.905.723	1.385.362.490
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.438.017.273	7.381.013.197
Lỗ từ việc bán cổ phiếu Công ty CP Sông Hậu	10.448.288.000	-
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(12.226.720.000)	-
Phí ngân hàng	648.797.431	411.254.391
Chi phí lãi liên quan đến khoản nhận ứng trước tiền chuyển nhượng	-	546.195.161
Chi phí tài chính khác	305.264.010	11.093.804
Cộng	(14.447.761.624)	121.031.220.621

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam được xóa tính đến ngày 18/6/2014 theo Biên bản thỏa thuận ngày 15/4/2014 giữa DATC và Công ty; Hợp đồng mua bán nợ số 19/2014/HĐ-MBN ngày 27/6/2014; và Công văn số 494/MBN-PMBN ngày 31/7/2014 về việc chuyển giao quyền chủ nợ đối với các khoản phải thu tại Tập đoàn.

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	1.741.127.983	884.351.160
Chi phí vật liệu bao bì	-	5.874.438
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.821.046	52.357.371
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi, hàng mẫu	830.975.347	1.147.534.687
Chi phí xuất hàng	1.997.726.939	2.096.805.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.849.536.166	2.360.745.966
Chi phí bằng tiền khác	2.064.558.833	637.622.468
Cộng	8.492.746.314	7.185.291.551

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	27.850.156.376	23.181.171.656
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.010.954.826	1.068.070.014
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.379.508.557	1.736.228.982
Thuế, phí và lệ phí	2.145.819.541	2.475.612.052
Chi phí dự phòng	8.904.448.417	1.910.909.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.401.171.377	2.606.748.974
Chi phí bằng tiền khác	3.899.976.225	3.102.310.319
Cộng	47.592.035.319	36.081.051.341

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013
7. Thu nhập khác		
Thu nhập do nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	4.929.829.499
Thu nhập do bán phế liệu, công cụ dụng cụ	153.470.181	7.440.000
Thu nhập lưu kho, tiền điện, tiền cho thuê mặt bằng, cho thuê xe,...	116.018.182	195.000.000
Thu nhập do phạt vi phạm	913.805.029	29.448.544
Thu nhập từ xử lý tài sản, các khoản phải trả	295.774.294	3.985.669.610
Thu nhập từ việc chi hộ	660.909.092	-
Thu nhập từ nhận bồi thường	361.909.497	-
Thu nhập khác	280.240.080	628.092.498
Cộng	2.782.126.355	9.775.480.151

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Thông tin khác

1. Báo cáo Bộ Phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Chế biến gỗ
- Trồng rừng
- Khác

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

Đơn vị tính: triệu đồng

	Chế biến gỗ		Trồng rừng		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Doanh thu thuần										
<i>Từ khách hàng bên ngoài</i>	434.953	1.047.663	793	2.019	17.000	1.158	-	-	452.745	1.050.840
<i>Giữa các bộ phận</i>	963.896	712.033	10.254	61	-	23.598	(974.150)	(735.692)	-	-
Tổng cộng	1.398.849	1.759.696	11.047	2.081	17.000	24.756	(974.150)	(735.692)	452.745	1.050.840
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	68.661	166.261	(1.497)	460	3.107	904	(399)	(3.611)	69.872	164.014
Chi phí không phân bổ	54.837	42.863	1.057	1.055	997	1.268	(807)	(1.920)	56.085	43.266
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	13.824	123.398	(2.554)	(595)	2.110	(364)	408	(1.692)	13.787	120.747
<i>Thu nhập tài chính</i>	4.102	1.716	3.275	3.787	1	2	(1.937)	(2.383)	5.440	3.122
<i>Chi phí tài chính</i>	(15.710)	117.383	3.477	4.907	1.446	2.179	(3.661)	(3.438)	(14.448)	121.031
<i>Lợi nhuận khác</i>	(1.850)	2.767	(1.055)	(1.273)	(782)	(555)	(354)	(1.270)	(4.041)	(332)
<i>Lãi, lỗ công ty liên kết</i>	-	-	(865)	(407)	(142)	(150)	-	-	(1.006)	(557)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.467	924	-	-	-	-	106	(312)	7.574	613
Lợi nhuận sau thuế	24.318	9.573	(4.676)	(3.394)	(260)	(3.247)	1.673	(1.596)	21.054	1.337
Lợi ích cổ đông thiểu số	5.327	645	(1.170)	(260)	209	(310)	-	(572)	4.367	(497)
Lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ	18.991	8.928	(3.506)	(3.134)	(469)	(2.936)	1.673	(1.024)	16.688	1.834

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Đơn vị tính: triệu đồng									
	Chế biến gỗ		Trồng rừng		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các thông tin khác										
Tài sản của bộ phận	4.829.869	4.115.141	268.691	269.889	62.713	63.858	(1.387.133)	(932.384)	3.774.140	3.516.503
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	814	818	-	-	-	-	609	715	1.423	1.534
Tài sản không phân bổ										
Tổng tài sản	4.830.683	4.115.959	268.691	269.889	62.713	63.858	(1.386.524)	(931.669)	3.775.563	3.518.037
Nợ phải trả của bộ phận	3.658.498	2.968.092	134.915	132.779	44.721	47.361	(1.032.281)	(577.785)	2.805.853	2.570.448
Nợ phải trả không phân bổ										
Tổng nợ phải trả	3.658.498	2.968.092	134.915	132.779	44.721	47.361	(1.032.281)	(577.785)	2.805.853	2.570.448
Chi mua sắm tài sản	4.347	18.391	-	-	-	-	-	-	4.347	18.391
Chi phí khấu hao	15.641	34.072	291	1.107	247	512	116	149	16.296	35.841

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý:

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

Đơn vị tính: triệu đồng

	Bình Dương		Đắk Lắk		Phú Yên		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Doanh thu thuần												
<i>Từ khách hàng bên ngoài</i>	438.317	796.735	(4.749)	228.151	2.177	1.471	17.000	24.483	-	-	452.745	1.050.840
<i>Giữa các bộ phận</i>	744.862	529.178	213.667	189.209	15.622	17.305	-	-	(974.150)	(735.692)	-	-
Tổng cộng	1.183.179	1.325.913	208.917	417.360	17.799	18.776	17.000	24.483	(974.150)	(735.692)	452.745	1.050.840
Kết quả hoạt động kinh doanh												
Kết quả của bộ phận	53.270	140.682	11.852	22.214	2.017	3.093	3.132	1.636	(399)	(3.611)	69.872	164.014
Chi phí không phân bổ	44.987	34.247	8.994	7.787	2.058	2.346	853	806	(807)	(1.920)	56.085	43.266
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	8.283	106.435	2.858	14.427	(41)	747	2.279	830	408	(1.692)	13.787	120.747
<i>Thu nhập tài chính</i>	3.859	1.512	3.517	3.989	1	2	0	2	(1.937)	(2.383)	5.440	3.122
<i>Chi phí tài chính</i>	(16.260)	93.984	8.533	28.564	(3.266)	1.136	206	785	(3.661)	(3.438)	(14.448)	121.031
<i>Lợi nhuận khác</i>	2.058	(2.547)	(2.715)	3.632	(3.188)	(124)	158	(23)	(354)	(1.270)	(4.041)	(332)
<i>Lãi, lỗ công ty liên kết</i>	-	-	-	-	(865)	(407)	(142)	(150)	-	-	(1.006)	(557)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.380	894	-	-	88	30	-	-	106	(312)	7.574	613
Lợi nhuận sau thuế	23.081	10.523	(4.873)	(6.515)	(915)	(948)	2.089	(127)	1.673	(1.596)	21.054	1.337
Lợi ích cổ đông thiểu số	3.917	1.782	(45)	(1.820)	379	96	115	17	-	(572)	4.367	(497)
Lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ	19.163	8.741	(4.828)	(4.695)	(1.294)	(1.044)	1.974	(144)	1.673	(1.024)	16.688	1.834

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các thông tin khác	Đơn vị tính: triệu đồng											
	Bình Dương		Đắk Lắk		Phú Yên		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản của bộ phận	3.958.068	3.379.428	1.009.483	875.245	144.029	144.206	49.693	50.009	(1.387.133)	(932.384)	3.774.140	3.516.503
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	814	818							609	715	1.423	1.534
Tài sản không phân bổ												
Tổng tài sản	3.958.882	3.380.246	1.009.483	875.245	144.029	144.206	49.693	50.009	(1.386.524)	(931.669)	3.775.563	3.518.037
Nợ phải trả của bộ phận	2.848.930	2.293.375	888.526	749.893	81.488	81.615	19.190	23.350	(1.032.281)	(577.785)	2.805.853	2.570.448
Nợ phải trả không phân bổ												
Tổng nợ phải trả	2.848.930	2.293.375	888.526	749.893	81.488	81.615	19.190	23.350	(1.032.281)	(577.785)	2.805.853	2.570.448
Chi mua sắm tài sản	2.721	14.967	1.626	3.424	-	-	-	-	-	-	4.347	18.391
Chi phí khấu hao	11.879	24.004	3.515	10.064	786	1.620	-	3	116	149	16.296	35.841

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. Cam kết phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty CP Lâm Nghiệp Trường Thành có các khoản cam kết phân chia lợi nhuận theo các hợp đồng hợp tác đầu tư như sau:

- Theo hợp đồng liên kết số 01/TTC-BQLM'DRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Ban Quản Lý Dự Án Rừng Phòng Hộ Núi Vọng Phu ("BQLDA") thì BQLDA đưa vào liên kết diện tích đất bao gồm nhưng không giới hạn 690,84 ha (được giao khoán cho các hộ dân theo chương trình 661) thuộc các tiểu khu 790, 786, 781, 759, 782, 762 nằm trên địa bàn hành chính của 04 xã: Cư M'ta, Ea Trang, EA M'Đoan và Cư Króa huyện M'Đrak tỉnh ĐakLak. Diện tích này sẽ đưa vào liên kết trồng rừng với Công ty cụ thể là: năm 2008 liên kết trồng mới 154,1 ha, năm 2010 liên kết trồng mới 118,7 ha, năm 2011 liên kết trồng mới 177,9 ha, năm 2012 liên kết trồng mới 139,8 ha, năm 2013 liên kết trồng mới 100,34ha. Ngoài ra, BQLDA góp không quá 20% vốn vào suất đầu tư đối với chu kỳ đầu không tính lãi suất từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước (số vốn này BQLDA cung cấp cho Công ty), những chu kỳ tiếp theo BQLDA sẽ dùng suất lợi nhuận thu được từ rừng liên kết tiếp tục đầu tư với tỷ lệ như ban đầu. Các hộ dân sẽ là người trực tiếp tiến hành trồng, chăm sóc quản lý bảo vệ và phòng chống cháy rừng được thực hiện cụ thể thông qua hợp đồng giao khoán. Lợi nhuận sẽ được phân chia theo nguyên tắc BQLDA 40% (trong đó BQLDA 10%, người dân 30%), 60% lợi nhuận và BQLDA sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giảm hơn sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên.

- Theo hợp đồng liên kết số 02/TTC-M'DRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Ban Quản Lý Dự Án Rừng Phòng Hộ Núi Vọng Phu ("BQLDA") thì BQLDA đưa vào liên kết diện tích đất khoảng 1.000 ha đất rừng phòng hộ, khoảng 1.200 ha đất rừng sản xuất và góp không quá 10% vốn vào suất đầu tư đối với chu kỳ đầu từ nguồn từ chỉ tiêu khai thác gỗ tự nhiên của BQLDA nếu có (số vốn góp này BQLDA cung cấp cho Công ty), những chu kỳ tiếp theo BQLDA sẽ dùng suất lợi nhuận thu được từ rừng liên kết tiếp tục đầu tư với tỷ lệ như ban đầu. Lợi nhuận sẽ được phân chia theo nguyên tắc BQLDA 10% lợi nhuận, 90% lợi nhuận còn lại Công ty và BQLDA sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giảm hơn sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên.

- Theo hợp đồng liên kết số 03/TTC-CTLN M'DRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak thì Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak đưa vào liên kết diện tích đất 600 ha rừng phòng hộ thuộc 02 tiểu khu 797, 802 nằm trên địa bàn hành chính xã Ea Trang huyện M'Đrak tỉnh ĐakLak và tham gia quản lý, tổ chức trồng chăm sóc quản lý phòng chống cháy rừng và các hoạt động khác theo quy trình kỹ thuật của Công ty. Doanh thu có được khi kết thúc mỗi đợt tía thưa/khai thác sẽ được phân chia theo tỷ lệ Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak 10% và Công ty 90%, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giảm hơn sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên. Thời gian hợp đồng là 48 năm.

- Theo hợp đồng liên kết số 04/TTC-CTLN LAK ngày 12/3/2009 giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp Lak thì Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak đưa vào liên kết diện tích đất khoảng 4.800 ha và góp khoảng 1,4 tỷ đồng vào suất đầu tư đối với chu kỳ sản xuất đầu (số tiền này từ nguồn vốn đã đầu tư vào 67,6 ha rừng trồng năm 2004 tại tiểu khu 1407 - 1415), số tiền từ định giá khu rừng trồng 161 ha tại các tiểu khu 1407 - 1408 sau khi hai bên thống nhất sẽ ghi vốn bổ sung. Tỷ lệ phân chia doanh thu (bằng tiền hoặc sản phẩm gỗ) sẽ được chia theo tỷ lệ Công ty Lâm Nghiệp Lak 7% doanh thu (sau khi trừ chi phí khai thác/chi phí tía thưa nhưng không bao gồm các khoản thuế theo quy định và tiền thuê đất "nếu có"), 93% còn lại (sau khi trừ chi phí như trên) sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp Lak, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giảm hơn sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên. Thời gian hợp đồng 50 năm.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

- Tập đoàn đang tiến hành các thủ tục pháp lý nhằm sáp nhập Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) vào Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 03-12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 8 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Theo Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên 2014 ngày 29/4/2014, Tập đoàn đang có kế hoạch tăng vốn trong năm 2014 cụ thể như sau:

+ Đợt 1: Phát hành cho Công ty Mua Bán Nợ và Tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp (DATC) hoặc các đối tác mua nợ và tham gia quá trình tái cơ cấu tài chính: 19.567.100 cổ phần với giá phát hành là 8.400 đồng/cổ phần; Phát hành cho các đối tác chiến lược trong nước: 7.000.000 cổ phần với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phần.

+ Đợt 2: Phát hành cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài: 25.000.000 cổ phần với giá phát hành là 12.000 đồng/cổ phần.

Ngoài sự kiện những như đã nêu trên, Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

VIII. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

1. Rủi ro thị trường

1.1 Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD là như sau:

Tài sản tài chính	Tại ngày 30/6/2014	
	USD	VND tương đương
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	8.327,08	176.562.158
Phải thu khách hàng	6.801.560,28	142.158.359.122
Ký quỹ	44.029,89	936.515.760
Tổng cộng	6.853.917,25	143.271.437.041
Nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	36.911.565,66	785.109.001.590
Phải trả người bán	389.360,49	8.281.697.611
Chi phí phải trả (Chi phí lãi vay)	869.120,09	18.486.184.314
Tổng cộng	38.170.046,24	811.876.883.515
Mức rủi ro tiền tệ	(31.316.128,99)	(668.605.446.474)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn cho thời kỳ tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (33.430.272.324) đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1.2 Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

1.3 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Tập đoàn quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

	Tại ngày 30/6/2014
Tài sản có lãi suất	
Tiền gửi Ngân hàng	70.205.000.000
Cho vay (có lãi suất)	21.005.116.012
Tổng	<u>91.210.116.012</u>

Tổng số dư Tài sản có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 1.824.202.320 đồng **(A)**.

Nợ phải trả có lãi suất

Các khoản vay, nợ phải trả	2.037.357.777.073
Tổng	<u>2.037.357.777.073</u>

Tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 40.747.155.541 đồng **(B)**.

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là **(A) - (B) = (38.922.953.221)** đồng.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Tập đoàn bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Tập đoàn bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Ban điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Tập đoàn đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Tập đoàn sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Tập đoàn có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tập đoàn là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Tập đoàn.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, và phải thu khác của Tập đoàn không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 547.652.888.266 đồng.

Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	Tại ngày 30/6/2014
Tổng gộp	22.357.218.951
Trừ dự phòng giảm giá trị	(19.878.687.743)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	2.478.531.208

Dự phòng giảm giá trị

Số dư đầu năm (01/01/2014)	(10.974.239.326)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(8.904.448.417)
Giảm	-
Số dư cuối kỳ (30/6/2014)	(19.878.687.743)

3. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Tập đoàn ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Tập đoàn là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Tập đoàn và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	1.447.038.840.867	68.890.750.000	1.515.929.590.867
Phải trả người bán	269.556.094.423	-	269.556.094.423
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	55.416.093.197	-	55.416.093.197
Phải trả người lao động	24.509.820.888	-	24.509.820.888
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	879.074.880.908	1.000.000.000	880.074.880.908
Tổng cộng	2.675.595.730.282	69.890.750.000	2.745.486.480.282

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là rất cao. Tập đoàn đang trong tiến trình làm việc với các Ngân hàng nhằm đạt được giải pháp thu xếp vốn hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã thế chấp, cầm cố hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản nợ phải thu sẽ hình thành trong tương lai cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn (thuyết minh tại mục số V.3, 4, 6, 7, 11.1, và 17.1 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính hợp nhất).

Tập đoàn nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Tại ngày 30/6/2014	Giá trị sổ sách	So sánh giá trị thuần với giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Đầu tư ngắn hạn					
Tiền gửi có kỳ hạn	70.205.000.000	-	-	70.205.000.000	-
Cho vay ngắn hạn	21.005.116.012	-	-	21.005.116.012	-
Các khoản đầu tư dài hạn					
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	96.930.473.000	-	(4.000.358.765)	92.930.114.235	-
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (thuộc đầu tư dài hạn khác)	75.792.364.766	-	(104.239.264)	75.688.125.502	(104.239.264)
Tổng cộng	263.932.953.778	-	(4.104.598.029)	259.828.355.749	(104.239.264)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chi tiết kỹ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Người lập báo

Đỗ Ngọc Nam

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Lễ

Bình Dương, ngày 29 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc



Võ Đình Thành

